

Bản án số: 33/2018/DS-PT

Ngày: 16/4/2018

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân
Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đàm Thị Vang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLPT-DS ngày 22/01/2018 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX-PT ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Bùi Văn Đ**, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Có mặt)

Bị đơn: Ông **Trịnh Tiến S**, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp T do ông Hoàng Hải N làm Giám đốc, ông Nguyễn Xuân T-Phó giám đốc đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 116, V, phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;

2. Ông Trần Văn K, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 05, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước;
Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Văn Đ thống nhất trình bày:*

Ngày 20/10/2015 ông Nguyễn Văn C có hợp đồng tưới nước công trình đường từ Nông trường T tới ngã 3 thác số 4, thuộc xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước với đơn giá 200.000 đồng/01 xe (Tuyến đường Công ty ông S phụ trách xây dựng xã T-T, A). Trách nhiệm thanh toán công nợ là ông Trịnh Tiến S sẽ trực tiếp thanh toán vì ông S là Chỉ huy công trình đường nên mọi chi phí do ông S chi trả. Việc hợp đồng chỉ bằng miệng giữa ông C và ông T1 là kế toán của ông S, không lập hợp đồng bằng văn bản.

- Theo bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 31/12/2015 hợp đồng tưới nước công trình đường từ tuyến đường xã T- A tổng số nợ là 83.000.000 đồng, ông Trịnh Tiến S đã trả được cho ông C 60.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 23.000.000 đồng.

- Theo bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 18/4/2016 do Ban chỉ huy công trình đường T - A lập thì ông S còn nợ của ông Nguyễn Văn C số tiền 118.200.000 đồng.

Đến ngày 04/6/2016 thì ông Trịnh Tiến S mở cuộc họp trong đó gồm có ông S là Chỉ huy trưởng công trình, ông Bùi Xuân T1 là kế toán công trình và những người có công nợ gồm ông Đ, ông Sâm, ông C, ông Thanh và lập biên bản cuộc họp công trình về việc giải quyết các công nợ tiền khách hàng năm 2016 trong đó có nội dung:

“- Từ ngày 01/7/2016 đến ngày 15/7/2016 đồng chí T1 và đồng chí S cam kết trả tiền cho từng khách hàng cụ thể.

- Từ ngày 01/7/2016 đến ngày 30/7/2016, đồng chí S chỉ chịu trách nhiệm trả 50% số tiền công nợ trên trừ những khoản Công ty đã chuyển trả khách hàng từ 04/6/2016 đến ngày 30/6/2016 (không chịu trách nhiệm công nợ 50% còn lại)”.

Nay ông Nguyễn Văn C yêu cầu ông Trịnh Tiến S phải trả số tiền 141.200.000 đồng tưới nước Công trình.

Bị đơn ông Trịnh Tiến S trình bày:

Ông Trịnh Tiến S là Nhân viên của Công ty cổ phần xây lắp T (gọi tắt Công ty T), ông S được phân công nhiệm vụ làm chỉ huy trưởng của tuyến đường từ T đến xã T, A, công trình này bắt đầu thi công vào tháng 9/2012 và bàn giao vào ngày 31/12/2016, quá trình làm đường công trình thường thì ít thuê người

ngoài tưới nước vì Công ty có nhân công và phương tiện sẵn để làm việc này nhưng thời gian cao điểm thì có thuê thêm người tưới nước, trong thời gian cao điểm đó ông S có thấy ông C là người chở nước để tưới nước công trình nhưng ông S không trực tiếp thuê ông C còn ông T1 là kế toán của công trình có thuê ông C hay không ông không biết; theo sự chỉ đạo của ông đối với ông T1 thì vào thời điểm cao điểm có thuê thêm người bên ngoài để tưới nước nhưng thuê ngày nào thanh toán luôn trong ngày; đối với trường hợp ông C không thấy ông T1 báo còn nợ tiền tưới nước và ông cũng không ký kết hay hứa hẹn gì với ông C; ông S chỉ đạo ông T1 là khi thuê người tăng cường tưới nước phải thanh toán dứt điểm trong ngày. Ông thừa nhận có tổ chức cuộc họp để giải quyết công nợ nhưng ông T1 không chốt được còn nợ ai và số tiền cụ thể nên ông không đồng ý thanh toán tiền theo yêu cầu của ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án vì lý do ảnh hưởng đến danh dự của ông và phía công ty nên ông có đề xuất thương lượng đưa cho ông C 40.000.000 đồng cho xong để tránh kiện tụng, đảm bảo uy tín chứ ông không thừa nhận số nợ này.

Đối với bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 31/12/2015 hợp đồng tưới nước công trình đường từ tuyến đường xã T-T, A tổng số nợ là 83.000.000 đồng và bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 18/4/2016 do Ban chỉ huy công trình lập thì thể hiện Công ty còn nợ của ông Nguyễn Văn C số tiền 118.200.000 đồng, với 02 bảng tính giá trị này ông Trịnh Tiến S không biết và không ký.

Đối với biên bản cuộc họp ngày 04/6/2016 là nội dung họp ông S có dự và thống nhất nội dung, chữ ký chữ viết của S nhưng ông T1 không xác định được công nợ nên trách nhiệm này là của ông T1, ông không có nghĩa vụ thanh toán.

Đối với những phiếu nhập vật liệu mà ông C cung cấp cho Tòa án có chữ ký của ông Khách là không phải phiếu của công trường những phiếu công trường phát hành là có đóng mộc đỏ, đối với giấy không có mộc thì phải có chữ ký của ông mới hợp lệ nên không là căn cứ.

Trước yêu cầu của ông C thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty T do ông Nguyễn Xuân T đại diện theo ủy quyền trình bày ngày 11/8/2017: Công ty T hợp đồng thi công công trình đường vào Trung tâm xã T- A, huyện H, tỉnh Bình Phước từ tháng 9/2012 và đã được bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 12 năm 2016, trong hồ sơ lưu giữ tại Công ty không có hợp đồng giữa Công ty với ông Nguyễn Văn C và không có bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến công nợ của Công ty với ông Nguyễn Văn C. Ông Trịnh Tiến S là Nhân viên của Công ty và giao cho ông S làm Chỉ huy trưởng phụ trách thi công công trình trên và báo kết quả cho Công ty; đối với ông T1 thì phía Công ty không biết ông này là ai và cũng không thuê ông T1 làm việc cho Công ty.

Ông Nguyễn Văn C yêu cầu ông Trịnh Tiến S phải trả số tiền 141.200.000 đồng tiền công tưới nước công trình là việc riêng của hai ông C và ông S không liên quan đến Công ty 386 do đó Công ty không có nghĩa vụ trả nợ cho ông C. Vậy thay mặt cho Công ty 386 đề nghị Tòa án hòa giải và xử theo quy định của pháp luật và yêu cầu vắng mặt.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông không bà con gì với ông Nguyễn Văn C và ông Trịnh Tiến S, năm 2014 ông có lái xe chở nước tưới đường công trình cho ông S, ông S cung cấp xe, ông chỉ việc lái xe, tuyến đường xây dựng tuyến xã T- xã A; ông S có nhờ ông, thông qua ông T1 gọi thêm người để cùng tưới nước công trình nên ông nhờ thêm ông C, ông C bắt đầu làm việc từ ngày 23/10/2015; đối với biên bản cuộc họp ngày 04/6/2016 là sau khi công trình sắp kết thúc thì ông S triệu tập gồm những người có công nợ, trong đó có ông Đ, ông C, ông Thanh, ông Sâm, ông Khách và ông T1 là kế toán, các bên chốt nợ còn lại, do sơ ý nên không ghi rõ số tiền cụ thể của từng người trong biên bản họp vì tin tưởng ông S hẹn đến ngày 30/7/2016 sẽ thanh toán hết nợ cho khách hàng; ông T1 được sự ủy quyền của ông S để ký vào bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành, vì vậy ông S thiếu tiền của ông C là có thật.

Người làm chứng ông Trần Văn K trình bày: Ông là người được bạn bè giới thiệu làm việc tại công trình tuyến đường thuộc xã T-A do ông Trịnh Tiến S làm Chỉ huy trưởng công trình; ông S giao ông công việc làm quản lý chung các công việc của công trình, lấy phiếu cho người cung cấp đá, chấm công cho công nhân làm việc tại công trình trong ngày; ông Thanh là người cung cấp nước cho các lái xe để chở nước tưới đường, ông ghi số xe để lấy nước, tổng hợp số lượng để báo cho ông T1 để ông T1 thanh toán tiền cho khách hàng; thời gian đầu ông thanh toán tiền theo ngày thì ông T1 có giao tiền cho ông để thanh toán, sau này thanh toán theo tháng thì ông T1 tự thanh toán; đối với ông Nguyễn Văn C ông chưa bao giờ thanh toán tiền cho ông C; ông làm việc không có hợp đồng bằng văn bản, còn những người khác ông không biết có hợp đồng bằng văn bản không. Đối với bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 18/4/2016 của ông Phạm Thanh và ông Nguyễn Văn C và ngày 31/12/2015 đều là do ông T1 kế toán công trình lập và ký.

Tại Bản án số 05/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc “Yêu cầu ông Trịnh Tiến S thanh toán tiền công tưới nước công trình”.

Ngoài ra Bản án còn tuyên phần án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trịnh Tiến S phải trả cho ông số tiền tưới nước công trình tuyến đường từ xã T đến xã T còn thiếu là 141.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm vấn tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trịnh Tiến S phải trả cho ông số tiền tưới nước công trình tuyến đường từ xã T đến xã T còn thiếu là 141.200.000 đồng thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông C và đại diện cho ông C là ông Bùi Văn Đ khẳng định ông S có thuê ông C tưới nước công trình tuyến đường T-A và đã thanh toán được cho ông 60.000.000 đồng, còn thiếu là 141.200.000 đồng chưa thanh toán. Bị đơn ông Nguyễn Tiến S không thừa nhận, ông S cho rằng ông không biết ông C là ai và không trực tiếp giao dịch, ký hợp đồng với ông C, cũng không xác nhận số nợ như hai bảng kê do ông C cung cấp và trong các bảng tính khối lượng không có chữ ký xác nhận của ông S.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án ông C cung cấp cho Tòa án 01 bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành (đánh máy và một phần viết tay) ngày 18/4/2016, trong đó có thể hiện tên ông Trịnh Tiến S là chỉ huy công trình, ông Trần Văn K là cán bộ theo dõi điều hành, ông Nguyễn Văn C là tài xế xe máy cày (công nhân hợp đồng) với số tiền 118.200.000 đồng, bảng tính này có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Văn C và kế toán Bùi Văn T1 mà không có chữ ký của ông S, ông Khách và bảng tính giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 31/12/2015 thể hiện phía trên có tên ông Trịnh Tiến S là Chỉ huy công trình, ông Bùi Văn T1 là kế toán công trình và ông Nguyễn Văn C là tài xế xe máy cày (công nhân hợp đồng) với tổng số tiền 83.000.000 đồng và ông C đã tạm ứng 60.000.000 đồng, ông C còn được thanh toán 23.000.000 đồng, phía dưới có ký và ghi họ, tên của ông Bùi Văn T1 và Nguyễn Văn C. Ngoài ra, ông C còn cung

cấp Biên bản cuộc họp ngày 04/6/2016 về việc “giải quyết công nợ tiền khách hàng”, có ông S tham dự và hứa sẽ trả nợ cho ông C và những người khác. Ông S thừa nhận tại cuộc họp này có ông tham dự để ông T1 báo cáo những người mà công trình còn nợ, có ông C tham gia nhưng không thống nhất được số nợ của mỗi người là bao nhiêu và ông cũng không biết ông C có tham gia tưới nước cho công trình hay không. Xét lời trình bày của nguyên đơn ông C là không có căn cứ và không được bị đơn ông S thừa nhận. Đối với biên bản cuộc họp ngày 04/6/2016 về việc “giải quyết công nợ tiền khách hàng” cũng không thể hiện việc ông S còn nợ ông C tổng số tiền là 141.200.000 đồng. Mặt khác, ông C không xác định được các bên đã thống nhất vấn đề gì và cũng không nắm được các cam kết trong biên bản cuộc họp ngày 04/6/2016 về việc “giải quyết công nợ tiền khách hàng” là gì và ông T1, ông S có trách nhiệm như thế nào đối với số nợ của ông C và số tiền nợ là bao nhiêu. Các bảng tính giá trị đều do ông T1 ký tên với số tiền cụ thể nhưng không thể hiện ông S phải thanh toán số tiền này, cũng không có văn bản ràng buộc ông S thanh toán nợ cho ông C. Ông T1 là người do ông S thuê làm nhưng không ký hợp đồng lao động theo quy định. Mặt khác, ông C cũng thừa nhận mọi giao dịch đều thông qua ông T1 và chỉ bằng lời nói chứ không thể hiện bằng văn bản. Hiện các bên đương sự không cung cấp được địa chỉ, nơi ở của ông T1. Vì vậy, không thể triệu tập ông T1 đến Tòa án nên không thể làm rõ trong vụ án này. Ngoài các tài liệu phân tích trên ông C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh ông S còn nợ lại tiền tưới nước công trình chưa thanh toán cho ông C là 141.200.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc “Yêu cầu ông Trịnh Tiến S thanh toán tiền công tưới nước công trình” là có căn cứ nên kháng cáo của ông C không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp Hợp đồng tưới nước công trình*” là chưa đúng với ngôn ngữ pháp lý nên cần sửa lại là “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*” cho phù hợp, cần nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H là có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

Áp dụng các Điều 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524 của Bộ luật dân sự năm 2005;

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Trịnh Tiến S thanh toán tiền công tưới nước công trình là 141.200.000 đồng.

[2] Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 7.060.000 (*Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn*) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 3.712.500 (*Ba triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm*) đồng theo biên lai thu số 0012088 ngày 03/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước. Ông C còn phải chịu 3.347.500 (*Ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012447 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong (đã ký)

